

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2024/LĐ-PT**

Ngày 03/5/2024

V/v tranh chấp quyền, lợi ích liên
quan đến tiền lương

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng;

Bà Trương Tố Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Tăng Thị Thúy Hằng, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 3, ngày 26 tháng 4 và ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLPT-LĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023, về tranh chấp quyền, lợi ích liên quan đến tiền lương.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 02/2023/LĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Võ Thanh Th;

Địa chỉ: Ấp Ph, xã Ph, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Hùng L;

Địa chỉ: Số 239, ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Hữu Ng;

Địa chỉ: Số 371, đường N, khóm L, Phường X, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Văn L1;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

5. Bà Nguyễn Thị Thu Tr;
Địa chỉ: Số 81, Khu Vực 12, phường C, quận O, thành phố Cần Thơ.
(vắng mặt)
6. Ông Đỗ Ngọc Ch;
Địa chỉ: Số 26/21, đường V, Phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.
(vắng mặt)
7. Bà Mạch Đình Thùy Tr1;
Địa chỉ: Số 33/11, đường L, khóm 6, Phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.
(vắng mặt)
8. Ông Lê Minh Ch1;
Địa chỉ: Số 195/19, đường T, Phường L, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.
(vắng mặt)
9. Ông Nguyễn Văn B;
Địa chỉ: Số 86/19, đường T, Phường L, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.
(vắng mặt)
10. Bà Trần Thị Thúy A;
Địa chỉ: Số 155, đường D, Phường L, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)
11. Ông Châu Ngọc Th1;
Địa chỉ: LK 13-08, đường C1, Khu dân cư M, khóm 1, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)
12. Ông Võ Văn U;
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)
13. Bà Đoàn Thị Q;
Địa chỉ: Số 29/1, ấp Ph, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)
14. Ông Đỗ Hoàng T;
Địa chỉ: Số 227/11, đường L, phường 3, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)
15. Ông Nguyễn Thanh T1;
Địa chỉ: Ấp 4, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)
16. Bà Nguyễn Kim H;
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)
17. Lâm Diệu H1;
Địa chỉ: Số 663B, đường P, khóm 7, Phường K, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

18. Ông Trần Tuấn K;
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)
19. Ông Nguyễn Văn H2;
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)
20. Ông Nguyễn Văn C;
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)
21. Ông Nguyễn Văn Kh;
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)
22. Bà Nguyễn Thị Hồng Nh;
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)
23. Bà Trần Thúy Th2;
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)
24. Ông Trịnh Huy H3;
Địa chỉ: Số 627, đường P, khóm 3, Phường K, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)
25. Ông Hồ Văn Đ;
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)
26. Ông Nguyễn Văn Nh1;
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)
27. Ông Nguyễn Hoàng A1;
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)
28. Ông Nguyễn Thanh T2;
Địa chỉ: Ấp 4, xã Ch, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)
29. Ông Nguyễn Thanh T3;
Địa chỉ: Ấp 4, xã Ch, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)
30. Ông Nguyễn Hoàng H4;
Địa chỉ: Ấp 1, xã Ch, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)
31. Ông Võ Hùng Nh2;
Địa chỉ: Ấp 1, xã Ch, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)
32. Ông Nguyễn Văn Đ1;
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)
33. Ông Lý Minh Ph;
Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

34. Ông Võ Thanh T4;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

35. Ông Lâm Vương Đ2;

Địa chỉ: Ấp 4, xã Ch, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

36. Ông Trần Quốc Tr2;

Địa chỉ: Ấp Ph, xã Ph, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

37. Bà Huỳnh Thị H5;

Địa chỉ: Số 627, đường P, khóm 3, Phường K, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

38. Bà Thạch Thị Ngọc H6;

Địa chỉ: Số 86A, đường C, khóm 5, Phường K, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

39. Bà Nguyễn Thị Nh3;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

40. Ông Nguyễn Văn Nh4;

Địa chỉ: Số 843/2/24D, đường P, khóm 7, Phường K, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

41. Ông Nguyễn Hồng H7;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn: Ông Đặng Thu Đ3; địa chỉ: Số 840B, đường P, khóm 7, Phường K, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 25/8/2020, ngày 26/8/2020, ngày 27/8/2020, ngày 28/8/2020, ngày 30/3/2021, ngày 31/3/2021, ngày 01/4/2021, ngày 05/4/2021). (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn ông Trần Quốc Tr2, bà Huỳnh Thị H5, bà Thạch Thị Ngọc H6, bà Nguyễn Thị Nh3, ông Nguyễn Văn Nh4 và ông Nguyễn Hồng H7: Ông Nguyễn Văn Ng1, Luật sư của Văn phòng luật sư T - Chi nhánh Sóc Trăng, thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. Địa chỉ: Số 367/45, đường Quốc lộ 1A, khóm 1, Phường T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn: Công ty Cổ phần Mía đường S;*

Địa chỉ: Số 845, đường P, Phường K, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

1. Ông Đặng Tuấn Th2 - Phó Giám đốc Xí nghiệp nguyên liệu; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Thanh H8 - Phó phụ trách Phòng Tổ chức hành chính; (có mặt)

3. Ông Trần Vĩnh C1 - Thành viên Hội đồng quản trị; (có mặt)

Cùng địa chỉ làm việc: Số 845, đường P, Phường K, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng;

Là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 22/02/2024).

- *Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần Mía đường S - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của các nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn là ông Đặng Thu Đ3 trình bày:

Các nguyên đơn đều là người lao động của Công ty cổ phần Mía đường S (sau đây viết tắt là Công ty). Ngày 30/9/2016, Công ty và Công đoàn cơ sở Công ty ký kết Thỏa ước lao động tập thể với thỏa thuận tại Điều 5 là Công ty áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm (đơn giá theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm thông qua). Tiền lương người lao động được đảm bảo chi trả đúng quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng của Công ty và đơn giá tiền lương mỗi tấn sản phẩm của vụ đường năm 2017-2018 là 800.000 đồng.

Theo Điều 2 Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng do Hội đồng quản trị Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2017, có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 (viết tắt là Quy chế tiền lương) quy định: *“Quỹ tiền lương gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty nên thu nhập của người lao động có thể thay đổi theo từng tháng hoặc kỳ sản xuất dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Tổng Giám đốc giao cho từng đơn vị hoặc cá nhân”* và theo các Hợp đồng lao động đã ký kết thì Công ty trả lương cho các nguyên đơn theo sản phẩm, từ đó các nguyên đơn cho rằng tiền lương được hưởng phụ thuộc vào sản lượng đường làm ra.

Kết thúc vụ sản xuất 2017-2018 (từ ngày 01/7/2017 đến ngày 30/6/2018), Công ty còn thừa quỹ tiền lương là 9.619.591.775 đồng nhưng không chi trả cho người lao động, mà Hội đồng quản trị lại ban hành Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT.2019 ngày 04/01/2019 để nhập số tiền này giảm lỗ cho vụ 2018-2019, sau đó ban hành Nghị quyết 45/NQ-HĐQT.2019 ngày 15/5/2019 để bổ sung cho quỹ lương của vụ 2018-2019.

Việc sử dụng quỹ tiền lương như trên là trái với Thỏa ước lao động tập thể và Quy chế tiền lương nên các nguyên đơn yêu cầu Công ty thanh toán quỹ tiền lương 8.904.588.883 đồng còn thừa của vụ 2017-2018, trên cơ sở lấy quỹ còn thừa của vụ 2017-2018 chia cho 1.547.373.212 đồng (là tổng số tiền lương mà Công ty trả cho 327 người lao động trong 01 tháng theo Bảng thanh toán lương tháng 6/2018 của Công ty), mỗi người được hưởng thêm 5,75 tháng lương

(làm tròn) và nhân với số tiền lương chính, phụ cấp thâm niên, số tháng mà các nguyên đơn đã làm việc, cụ thể như sau:

- Mạch Đình Thùy Tr1: $4.377.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 25.167.750 \text{ đồng};$
- Lê Minh Ch1: $3.477.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 19.992.750 \text{ đồng};$
- Nguyễn Văn B: $31.100.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 178.825.000 \text{ đồng};$
- Trần Thị Thúy A: $4.037.615 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 23.216.286 \text{ đồng};$
- Châu Ngọc Th1: $4.358.769 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 25.062.922 \text{ đồng};$
- Nguyễn Hoàng H4: $4.972.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 28.589.000 \text{ đồng};$
- Võ Hùng Nh2: $3.202.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 09/12 \text{ tháng} = 13.808.625 \text{ đồng};$
- Nguyễn Văn Đ1: $3.186.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 18.319.500 \text{ đồng};$
- Lý Minh Ph: $4.277.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 24.592.750 \text{ đồng};$
- Võ Thanh T4: $3.896.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 22.402.000 \text{ đồng};$
- Lâm Vương Đ2: $3.148.154 \text{ đồng} \times 5,75 \times 09/12 \text{ tháng} = 13.576.413 \text{ đồng};$
- Trần Tuấn K: $3.114.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 09/12 \text{ tháng} = 13.429.125 \text{ đồng};$
- Nguyễn Văn H2: $4.750.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 27.312.500 \text{ đồng};$
- Nguyễn Văn C: $3.461.615 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 19.904.288 \text{ đồng};$
- Nguyễn Văn Kh: $5.050.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 29.037.500 \text{ đồng};$
- Nguyễn Thị Hồng Nh: $3.846.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 09/12 \text{ tháng} = 16.585.875 \text{ đồng};$
- Trần Thúy Th2: $3.946.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 09/12 \text{ tháng} = 17.017.125 \text{ đồng};$
- Trần Quốc Tr2: $3.677.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 21.142.750 \text{ đồng};$
- Huỳnh Thị H5: $3.601.231 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 20.707.077 \text{ đồng};$
- Thạch Thị Ngọc H6: $3.748.346 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 21.552.990 \text{ đồng};$
- Nguyễn Thị Nh3: $3.142.385 \text{ đồng} \times 5,75 \times 09/12 \text{ tháng} = 13.551.534 \text{ đồng};$

- Nguyễn Văn Nh4: $3.967.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 22.810.250$ đồng;
 - Nguyễn Hồng H7: $4.443.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 25.547.250$ đồng;
 - Trịnh Huy H3: $4.052.769 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 23.303.423$ đồng;
 - Hồ Văn Đ: $4.517.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 25.972.750$ đồng;
 - Nguyễn Văn Nh1: $3.727.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 21.430.250$ đồng;
 - Nguyễn Hoàng A1: $4.067.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 23.385.250$ đồng;
 - Nguyễn Thanh T2: $3.386.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 19.469.500$ đồng;
 - Nguyễn Thanh T3: $4.277.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 24.592.750$ đồng;
 - Võ Thanh Th: $3.677.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 09/12 \text{ tháng} = 15.857.063$ đồng;
 - Nguyễn Hùng L: $3.211.154 \text{ đồng} \times 5,75 \times 09/12 \text{ tháng} = 13.848.101$ đồng;
 - Nguyễn Hữu Ng: $3.802.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 10/12 \text{ tháng} = 18.217.917$ đồng;
 - Nguyễn Văn L1: $3.567.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 20.510.250$ đồng;
 - Nguyễn Thị Thu Tr: $3.564.500 \text{ đồng} \times 5,75 \times 09/12 \text{ tháng} = 15.371.906$ đồng;
 - Đỗ Ngọc Ch: $3.439.692 \text{ đồng} \times 5,75 \times 09/12 \text{ tháng} = 14.833.673$ đồng;
 - Võ Văn U: $4.107.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 23.615.250$ đồng;
 - Đoàn Thị Q: $4.517.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 09/12 \text{ tháng} = 19.479.563$ đồng;
 - Đỗ Hoàng T: $3.577.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 20.567.750$ đồng;
 - Nguyễn Thanh T1: $4.543.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 26.122.250$ đồng;
 - Nguyễn Kim H: $3.102.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 09/12 \text{ tháng} = 13.377.375$ đồng;
 - Lâm Diệu H1: $4.540.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 12/12 \text{ tháng} = 26.105.000$ đồng;
- Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bà Tr1 và ông Ch1 xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:
- Trả tiền lương cho Mạch Đình Thùy Tr1: $4.377.000đ \times 5,75 \times 09/12 \text{ tháng} = 18.875.813$ đồng;
 - Trả tiền lương cho Lê Minh Ch1: $3.477.000 \text{ đồng} \times 5,75 \times 09/12 \text{ tháng} = 14.994.562$ đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty cổ phần Mía đường S và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Quỹ lương trích trong năm 2016-2017 là 715.002.892 đồng. Quỹ lương trích trong vụ 2017-2018 là 36.430.760.000 đồng, tương đương với 45.538,45 tấn đường sản xuất được nhân với đơn giá tiền lương 800.000 đồng/tấn. Công ty đã chi tiền lương 12 tháng cho người lao động theo Hệ thống thang bảng lương, tiền lương làm thêm giờ, lương phép là 24.520.252.317 đồng, chi thưởng 3.005.918.800 đồng, nên Quỹ tiền lương còn lại của vụ mía 2017-2018 là (715.002.892 đồng + 36.430.760.000 đồng) - 24.520.252.317 đồng - 3.005.918.800 đồng = 9.619.591.775 đồng (trong đó tổng chi lương cho năm 2017-2018 là 27.526.171.117 đồng). Số tiền 9.619.591.775 đồng này được xác định trên cơ sở báo cáo sản xuất kinh doanh của Công ty. Quỹ tiền lương được xác định căn cứ trên sản lượng và lợi nhuận của Công ty. Năm 2017-2018, theo Báo cáo tài chính thì Công ty lãi 5.426.613.437 đồng trước nộp thuế, nhưng thực chất là lỗ, do 6.000 tấn hàng bị trả lại và 16.535,05 tấn hàng tồn kho với giá thành cao. Mới chỉ tính 6 tháng đầu năm 2018-2019 đã lỗ 27.950.780.241 đồng do hậu quả của năm 2017-2018 chuyển qua, nếu bán hết hàng tồn kho số lỗ sẽ lớn hơn. Trong trường hợp Công ty bị lỗ thì Công ty chỉ có nghĩa vụ trả lương cho người lao động bằng mức lương tối thiểu vùng, nên tại cuộc họp ngày 04/01/2019, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết 05/NQ-HĐQT.2019 với nội dung hoàn nhập quỹ tiền lương 9.619.591.775 đồng còn lại của năm 2017-2018 để giảm lỗ.

Đến tháng 5/2019, do sản lượng và lợi nhuận đạt thấp, quỹ lương không đủ chi cho người lao động theo đơn giá tiền lương 600.000 đồng/tấn đường đã phê duyệt nên Hội đồng quản trị có Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT.2019 ngày 15/5/2019 (thay thế cho Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT.2019 ngày 04/01/2019) quyết định sử dụng số tiền trên bổ sung cho quỹ lương của năm 2018-2019.

Theo Điều lệ của Công ty, Tổng Giám đốc không có quyền xử lý quỹ lương thừa của vụ 2017-2018, việc quyết định quỹ tiền lương thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị nên việc Hội đồng quản trị điều chỉnh quỹ tiền lương năm 2017-2018 theo 02 Nghị quyết trên là đúng pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

Công ty đã trả lương năm 2017-2018 cho các nguyên đơn theo đúng hợp đồng lao động và thang, bảng lương nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại Bản án số 02/2023/LĐ-ST ngày 25/9/2023, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 201 Bộ luật Lao động; Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

2. Buộc Công ty cổ phần Mía đường S thanh toán quỹ tiền lương 8.904.588.883 đồng còn thừa của vụ sản xuất 2017-2018 (từ ngày 01/7/2017 đến ngày 30/6/2018) cho:

- Nguyễn Văn B số tiền 178.825.000 đồng;*
- Trần Thị Thúy A số tiền 23.216.286 đồng;*
- Châu Ngọc Th1 số tiền 25.062.807 đồng;*
- Nguyễn Hoàng H4 số tiền 28.589.000 đồng;*
- Nguyễn Văn Đ1 số tiền 18.319.500đồng;*
- Lý Minh Ph số tiền 24.592.750 đồng;*
- Võ Thanh T4 số tiền 22.402.000 đồng;*
- Nguyễn Văn H2 số tiền 27.312.500 đồng;*
- Nguyễn Văn C số tiền 19.904.288 đồng;*
- Nguyễn Văn Kh số tiền 29.037.500 đồng;*
- Trần Quốc Tr2 số tiền 21.142.750 đồng;*
- Huỳnh Thị H5 số tiền 20.707.077 đồng;*
- Thạch Thị Ngọc H6 số tiền 21.552.990 đồng;*
- Nguyễn Văn Nh4 số tiền 22.810.250 đồng;*
- Nguyễn Hồng H7 số tiền 25.547.250 đồng;*
- Trịnh Huy H3 số tiền 23.303.423 đồng;*
- Hồ Văn Đ số tiền 25.972.750 đồng;*
- Nguyễn Văn Nh1 số tiền 21.430.250 đồng;*
- Nguyễn Hoàng A1 số tiền 23.385.250 đồng;*
- Nguyễn Thanh T2 số tiền 19.469.500 đồng;*
- Nguyễn Thanh T3 số tiền 24.592.750 đồng;*
- Nguyễn Văn L1 số tiền 20.510.250 đồng;*
- Võ Văn U số tiền 23.615.250 đồng;*
- Đỗ Hoàng T số tiền 20.567.750 đồng;*
- Nguyễn Thanh T1 số tiền 26.122.250 đồng;*
- Lâm Diệu H1 số tiền 26.105.000 đồng;*

- Mạch Đình Thùy Tr1 số tiền 18.875.813 đồng.
- Lê Minh Ch1 số tiền 14.994.562 đồng
- Võ Hùng Nh2 số tiền 13.808.625 đồng;
- Lâm Vương Đ2 số tiền 13.576.414 đồng;
- Trần Tuấn K số tiền 13.429.125 đồng;
- Nguyễn Thị Hồng Nh số tiền 16.585.875 đồng;
- Trần Thúy Th2 số tiền 17.017.125 đồng;
- Nguyễn Thị Nh3 số tiền 13.551.534 đồng;
- Võ Thanh Th số tiền 15.857.063 đồng;
- Nguyễn Hùng L số tiền 13.848.101 đồng;
- Nguyễn Hữu Ng số tiền 18.217.917 đồng;
- Nguyễn Thị Thu Tr số tiền 15.371.906 đồng;
- Đỗ Ngọc Ch số tiền 14.833.673 đồng;
- Đoàn Thị Q số tiền 19.479.563 đồng;
- Nguyễn Kim H số tiền 13.377.375 đồng;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của những người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 13/10/2023, Công ty cổ phần Mía đường S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện; người đại diện hợp pháp của bị đơn không rút kháng cáo và các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tr2, bà H5, bà H6, bà Nh3, ông Nh4 và ông H7 cho rằng: Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ. Bởi lẽ, các nguyên đơn là người lao động của Công ty cổ phần Mía đường S vào thời điểm vụ mùa 2017-2018, thể hiện qua hợp đồng lao động, sổ bảo hiểm xã hội và có làm việc đến tháng 6/2018. Công

ty và Công đoàn cơ sở Công ty có ký Thỏa ước lao động tập thể ngày 30/9/2016, với thỏa thuận tại Điều 5 là Công ty áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm (đơn giá theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm thông qua). Tiền lương người lao động được đảm bảo chi trả đúng quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng của Công ty và đơn giá tiền lương mỗi tấn sản phẩm của vụ đường năm 2017-2018 là 800.000 đồng. Theo quy chế tiền lương năm 2017, tại khoản 1 Điều 10 quy định nguồn hình thành quỹ lương chính tổng sản lượng đường sản xuất nhập kho trong kỳ nhân với đơn giá tiền lương theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 10 quy định sử dụng quỹ tiền lương, khoản 3 Điều 10 quy định xử lý thừa, thiếu quỹ lương. Công ty cũng thừa nhận vụ năm 2017-2018 quỹ lương thừa là 8.904.588.883 đồng. Các nguyên đơn yêu cầu căn cứ vào Bảng thanh toán lương cán bộ, công nhân viên tháng 6/2018 của Công ty để xác định số tiền lương 01 tháng Công ty phải trả cho người lao động. Theo đó, mức lương chính và phụ cấp Công ty đã trả cho 327 người lao động trong 01 tháng là 1.547.373.212 đồng, sau đó lấy quỹ lương còn thừa 8.904.588.883 đồng chia 1.547.373.212 đồng thì mỗi người còn được hưởng thêm 5,75 tháng lương (làm tròn). Công ty cho rằng lỗi nên bù lỗi không trả cho người lao động là sai, vì người lao động làm việc hưởng lương theo sản phẩm, nên Công ty cho rằng lỗi không trả lương cho người lao động là không đúng. Công ty cho rằng đã sử dụng quỹ lương thừa trả lương cho người lao động trong năm 2018-2019 cũng không đúng, vì quỹ lương này phải chia cho người lao động của vụ 2017-2018. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần Mía đường S là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Công ty cổ phần Mía đường S đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo, còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để giải quyết, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Công ty cổ phần Mía đường S, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần Mía đường S đều xác nhận 41 nguyên đơn là người lao động của Công ty,

lĩnh lương hàng tháng trong vụ sản xuất 2017-2018. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tình tiết mà các nguyên đơn không phải chứng minh.

[4] Theo các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp đã thể hiện, vụ sản xuất kinh doanh 2016-2017, Công ty còn thừa quỹ tiền lương là 715.002.892 đồng; vụ sản xuất kinh doanh năm 2017-2018, Công ty đạt sản lượng 45.538,45 tấn đường nhập kho, đơn giá tiền lương mỗi tấn 800.000 đồng, quỹ lương trích trong vụ này là 36.430.760.000 đồng, đã chi trả tiền lương 12 tháng cho toàn thể người lao động 24.520.252.317 đồng, chi thưởng 3.005.918.800 đồng, còn lại 9.619.591.775 đồng (trong đó có 715.002.892 đồng của vụ sản xuất kinh doanh 2016-2017 chuyển qua). Như vậy, có căn cứ xác định số tiền quỹ lương còn thừa của vụ sản xuất kinh doanh năm 2017-2018 của Công ty là 9.619.591.775 đồng - 715.002.892 đồng = 8.904.588.883 đồng.

[5] Điều 5 của Thỏa ước lao động tập thể ngày 30/9/2016 quy định: *“Công ty áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm (đơn giá theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm thông qua). Tiền lương của người lao động được đảm bảo chi trả đúng Quy chế thanh toán tiền lương, thưởng của công ty”*. Điều 25 Quy chế thanh toán tiền lương, thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 161/QĐ-TGD.2009 ngày 31/8/2009 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường S thì việc xử lý quỹ lương thừa được xác định như sau: *“...Hình thức chi theo cách phân phối sản phẩm theo hệ số CBCV + thành tích thi đua cá nhân tại mỗi thời điểm chi thích hợp; Thanh toán hết cho người lao động được hưởng trong thời hạn không quá quy định của pháp luật vào đầu năm sau”*. Khoản 3 Điều 10 Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-HĐQT.2017 (thay thế Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng năm 2009) quy định việc xử lý quỹ lương thừa như sau: *“...Tổng giám đốc sẽ quyết định chi hết trong thời gian theo quy định đảm bảo chi phí được trừ khi xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp”*.

[6] Khoản 1, khoản 2 Điều 4; khoản 1 Điều 5 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, đã được sửa đổi, bổ sung bằng Thông tư số 96/2016/TT-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính, hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ, quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì quỹ tiền lương không thuộc doanh thu để tính thu nhập chịu thuế và không thuộc thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

[7] Như vậy, theo Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng nêu trên thì quỹ tiền lương còn lại (còn thừa) của niên vụ 2017-2018 phải được thanh toán cho người lao động tham gia lao động trong mùa vụ sản xuất, kinh doanh 2017-2018.

[8] Theo phía bị đơn, Hội đồng quản trị của Công ty ban hành Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT.2019 ngày 04/01/2019, trong đó tại mục 11 Điều 1 thể hiện nội dung: *“Quỹ lương còn lại của vụ 2017-2018 là 9.619.591.775 đồng, yêu cầu*

BCH hoàn nhập trong vụ 2018-2019 để giảm lỗ cho công ty”; sau đó ban hành Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 15/5/2019 quy định: “...*Thống nhất sử dụng quỹ tiền lương còn lại của năm 2017-2018 là 9.619.591.775 đồng để bổ sung cho quỹ lương năm 2018-2019 để đảm bảo đủ nguồn chi lương cho NLD*”. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, các Nghị quyết này ban hành khi gần kết thúc mùa vụ sản xuất kinh doanh 2018-2019 để chi phối quỹ tiền lương của mùa vụ 2017-2018 (mùa vụ này đã kết thúc từ ngày 30/6/2018) là không đúng với Thỏa ước lao động tập thể ngày 30/9/2016 và Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-HĐQT.2017 (thay thế Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng năm 2009).

[9] Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của tất cả các nguyên đơn, lấy quỹ tiền lương còn thừa mùa vụ 2017-2018 là 8.904.588.883 đồng chia cho tổng tiền lương thực tế mà Công ty chi trả cho tất cả người lao động vào tháng cuối cùng của mùa vụ 2017-2018, tức tháng 6/2018 (1.547.373.212 đồng), để từ đó tính ra số lương bình quân mỗi người lao động được hưởng thêm 5,75 tháng, nhân với số tiền lương chính, phụ cấp thâm niên, số tháng thực tế mà các nguyên đơn đã làm việc, cụ thể: Công ty phải trả cho Nguyễn Văn B 178.825.000 đồng, Trần Thị Thúy A 23.216.286 đồng, Châu Ngọc Th1 25.062.807 đồng, Nguyễn Hoàng H4 28.589.000 đồng, Nguyễn Văn Đ1 18.319.500đồng, Lý Minh Ph 24.592.750 đồng, Võ Thanh T4 22.402.000 đồng, Nguyễn Văn H2 27.312.500 đồng, Nguyễn Văn C 19.904.288 đồng, Nguyễn Văn Kh 29.037.500 đồng, Trần Quốc Tr2 21.142.750 đồng, Huỳnh Thị H5 20.707.077 đồng, Thạch Thị Ngọc H6 21.552.990 đồng, Nguyễn Văn Nh4 22.810.250 đồng, Nguyễn Hồng H7 25.547.250 đồng, Trịnh Huy H3 23.303.423 đồng, Hồ Văn Đ 25.972.750 đồng, Nguyễn Văn Nh1 21.430.250 đồng, Nguyễn Hoàng A1 23.385.250 đồng, Nguyễn Thanh T2 19.469.500 đồng, Nguyễn Thanh T3 24.592.750 đồng, Nguyễn Văn L1 20.510.250 đồng, Võ Văn U 23.615.250 đồng, Đỗ Hoàng T 20.567.750 đồng, Nguyễn Thanh T1 26.122.250 đồng, Lâm Diệu H1 26.105.000 đồng, Mạch Đình Thùy Tr1 18.875.813 đồng, Lê Minh Ch1 14.994.562 đồng, Võ Hùng Nh2 13.808.625 đồng, Lâm Vương Đ2 13.576.414 đồng, Trần Tuấn K 13.429.125 đồng, Nguyễn Thị Hồng Nh 16.585.875 đồng, Trần Thúy Th2 17.017.125 đồng, Nguyễn Thị Nh3 13.551.534 đồng, Võ Thanh Th 15.857.063 đồng, Nguyễn Hùng L 13.848.101 đồng, Nguyễn Hữu Ng 18.217.917 đồng, Nguyễn Thị Thu Tr 15.371.906 đồng, Đỗ Ngọc Ch 14.833.673 đồng, Đoàn Thị Q 19.479.563 đồng và Nguyễn Kim H 13.377.375 đồng, là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[10] Người đại diện hợp pháp của Công ty cho rằng trong biên bản hòa giải ngày 15/4/2021, ngày 23/4/2021 chưa nêu rõ Hòa giải viên lao động theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 46/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, Điều 5 của Nghị định này quy định về thẩm quyền, trình tự và thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hòa giải viên lao động chứ không phải quy định biên bản hòa giải nêu rõ Hòa giải viên lao động, hơn nữa cả hai lần hòa giải trên, phía Công ty đều vắng mặt, Tổ hòa giải lao động lập biên bản hòa giải không thành là đủ điều kiện để các nguyên đơn khởi kiện. Về Thỏa ước lao động

tập thể ngày 30/9/2016, phía Công ty cho rằng, ông Nguyễn Văn B - Tổng Giám đốc không phải là người đại diện theo pháp luật nên việc ký kết thỏa ước lao động tập thể là trái pháp luật nếu không có văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật (ông Nguyễn Thanh N - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty). Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, điểm b khoản 1 Điều 83 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định: “*Bên người sử dụng lao động là người sử dụng lao động hoặc người đại diện của người sử dụng lao động*”. Như vậy, bên người sử dụng lao động tham gia ký kết thỏa ước lao động tập thể không nhất thiết phải là người đại diện theo pháp luật mà có thể là người khác có chức vụ, quyền hạn đại diện cho người sử dụng lao động. Mặt khác, ai là người đại diện cho người sử dụng lao động để tham gia ký kết thỏa ước lao động tập thể với người lao động, pháp luật không bắt buộc người lao động phải biết. Cho nên, các vấn đề mà người đại diện hợp pháp của bị đơn nêu ra ở trên là không có cơ sở chấp nhận.

[11] Công ty kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để làm thay đổi sự thật khách quan của vụ án nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[12] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn ông Tr2, bà H5, bà H6, bà Nh3, ông Nh4, ông H7; không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Công ty; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm.

[13] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[14] Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty cổ phần Mía đường S là người kháng cáo không được chấp nhận và cũng không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần Mía đường S.

1. Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 02/2023/LĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 201 Bộ luật Lao động; Điều 157 Luật Doanh nghiệp năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của 41 nguyên đơn. Buộc bị đơn Công ty cổ phần Mía đường S thanh toán quỹ tiền còn thừa của vụ sản xuất 2017-2018 cho các nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Văn B 178.825.000 đồng (Một trăm bảy mươi tám triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng);

- Bà Trần Thị Thúy A 23.216.286 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm mười sáu nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng);

- Bà Châu Ngọc Th1 25.062.807 đồng (Hai mươi lăm triệu không trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm lẻ bảy đồng);

- Ông Nguyễn Hoàng H4 28.589.000 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng);

- Ông Nguyễn Văn Đ1 18.319.500 đồng (Mười tám triệu ba trăm mười chín nghìn năm trăm đồng);

- Ông Lý Minh Ph 24.592.750 đồng (Hai mươi bốn triệu năm trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng);

- Ông Võ Thanh T4 22.402.000 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm lẻ hai nghìn đồng);

- Ông Nguyễn Văn H2 27.312.500 đồng (Hai mươi bảy triệu ba trăm mười hai nghìn năm trăm đồng);

- Ông Nguyễn Văn C 19.904.288 đồng (Mười chín triệu chín trăm lẻ bốn nghìn hai trăm tám mươi tám đồng);

- Ông Nguyễn Văn Kh 29.037.500 đồng (Hai mươi chín triệu không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng);

- Ông Trần Quốc Tr2 21.142.750 đồng (Hai mươi một triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng);

- Bà Huỳnh Thị H5 20.707.077 đồng (Hai mươi triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn không trăm bảy mươi bảy đồng);

- Bà Thạch Thị Ngọc H6 21.552.990 đồng (Hai mươi một triệu năm trăm năm mươi hai nghìn chín trăm chín mươi đồng);
- Ông Nguyễn Văn Nh4 22.810.250 đồng (Hai mươi hai triệu tám trăm mười nghìn hai trăm năm mươi đồng);
- Bà Nguyễn Hồng H7 25.547.250 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng);
- Ông Trịnh Huy H3 23.303.423 đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm lẻ ba nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng);
- Ông Hồ Văn Đ 25.972.750 đồng (Hai mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng);
- Ông Nguyễn Văn Nh1 21.430.250 đồng (Hai mươi một triệu bốn trăm ba mươi nghìn hai trăm năm mươi đồng);
- Ông Nguyễn Hoàng A1 23.385.250 đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi đồng);
- Ông Nguyễn Thanh T2 19.469.500 đồng (Mười chín triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm đồng);
- Ông Nguyễn Thanh T3 24.592.750 đồng (Hai mươi bốn triệu năm trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng);
- Ông Nguyễn Văn L1 20.510.250 đồng (Hai mươi triệu năm trăm mười nghìn hai trăm năm mươi đồng);
- Ông Võ Văn U 23.615.250 đồng (Hai mươi ba triệu sáu trăm mười lăm nghìn hai trăm năm mươi đồng);
- Ông Đỗ Hoàng T 20.567.750 đồng (Hai mươi triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi đồng);
- Ông Nguyễn Thanh T1 26.122.250 đồng (Hai mươi sáu triệu một trăm hai mươi hai nghìn hai trăm năm mươi đồng);
- Bà Lâm Diệu H1 26.105.000 đồng (Hai mươi sáu triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng);
- Bà Mạch Đình Thùy Tr1 18.875.813 đồng (Mười tám triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm mười ba đồng);
- Ông Lê Minh Ch1 14.994.562 đồng (Mười bốn triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng);
- Ông Võ Hùng Nh2 13.808.625 đồng (Mười ba triệu tám trăm lẻ tám nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng);
- Ông Lâm Vương Đ2 13.576.414 đồng (Mười ba triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm mười bốn đồng);
- Ông Trần Tuấn K 13.429.125 đồng (Mười ba triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn một trăm hai mươi lăm đồng);

- Bà Nguyễn Thị Hồng Nh 16.585.875 đồng (Mười sáu triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng);

- Bà Trần Thúy Th2 17.017.125 đồng (Mười bảy triệu không trăm mười bảy nghìn một trăm hai mươi lăm đồng);

- Bà Nguyễn Thị Nh3 13.551.534 đồng (Mười ba triệu năm trăm năm mươi một nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng);

- Bà Võ Thanh Th 15.857.063 đồng (Mười lăm triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi ba đồng);

- Ông Nguyễn Hùng L 13.848.101 đồng (Mười ba triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn một trăm lẻ một đồng);

- Ông Nguyễn Hữu Ng 18.217.917 đồng (Mười tám triệu hai trăm mười bảy nghìn chín trăm mười bảy đồng);

- Bà Nguyễn Thị Thu Tr 15.371.906 đồng (Mười lăm triệu ba trăm bảy mươi một nghìn chín trăm lẻ sáu đồng);

- Ông Đỗ Ngọc Ch 14.833.673 đồng (Mười bốn triệu tám trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng);

- Bà Đoàn Thị Q 19.479.563 đồng (Mười chín triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng);

- Bà Nguyễn Kim H 13.377.375 đồng (Mười ba triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng);

Tổng cộng: 996.921.042 đồng (Chín trăm chín mươi sáu triệu chín trăm hai mươi một nghìn không trăm bốn mươi hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của những người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong; hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

1.2. Án phí sơ thẩm:

Công ty cổ phần Mía đường S phải chịu là 29.907.646 đồng (Hai mươi chín triệu chín trăm lẻ bảy nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng).

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty cổ phần Mía đường S phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011556 ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, Công ty cổ phần Mía đường S đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân

sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND Tp. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS Tp. S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Lâm